

# MỨC ĐỘ SỬ DỤNG CÁC CHIẾN LƯỢC ĐỌC HIỂU SIÊU NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT HỆ TIÊN TIẾN - CHẤT LƯỢNG CAO TẠI HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Trần Thanh Phương

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: tranthanhpuong.hua@gmail.com

## Article history

Received: 17/02/2022

Accepted: 19/3/2022

Published: 20/4/2022

## Keywords

Cognitive, metacognitive, reading comprehension, strategies

## ABSTRACT

Reading skill is crucial in determining language learners' achievements. Cognitive and metacognitive strategies have been proved to influence reading competence in numerous studies. From the theoretical background concerning metacognitive reading strategies, the study aims to identify the frequency of using metacognitive reading strategies among first-year students at Vietnam National University of Agriculture in order to improve reading skills. The results show that the frequency of using metacognitive reading strategies such as preparatory organization strategy, directed attention strategy, selective attention strategy, self-monitoring strategy, and self-assessing strategy, is low; and teaching reading strategies in general and metacognitive reading strategies in particular is concluded to help students improve their awareness of the application of reading strategies in understanding and answering questions about the texts.

## 1. Mở đầu

Tiếng Anh hiện là môn ngoại ngữ bắt buộc phổ biến nhất trong chương trình đào tạo của các trường từ cấp tiểu học cho đến cao đẳng, đại học tại Việt Nam. Việc dạy và học môn Tiếng Anh đã, đang và sẽ vẫn là một trong những ưu tiên hàng đầu của các chính sách giáo dục trong nước nói chung, và của các trường nói riêng. Chính vì vậy, nghiên cứu về việc giảng dạy và học tập môn Tiếng Anh bao gồm nghiên cứu về các phương pháp, phương tiện giảng dạy, chiến lược học... vẫn luôn được đặt ra trong các môi trường học tập biến đổi không ngừng, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn ngoại ngữ này.

Theo xu hướng lấy người học làm trung tâm nói chung và việc dạy học kỹ năng đọc hiểu nói riêng, có rất nhiều các nhà nghiên cứu ở Việt Nam và trên thế giới đã nghiên cứu về vấn đề này như: Hanh (2019) nghiên cứu về các chiến lược học từ vựng của sinh viên (SV) năm thứ nhất không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; Tinh (2011) nghiên cứu về việc sử dụng các chiến lược siêu nhận thức (SNT) và nhận thức trong quá trình đọc của SV năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Cần Thơ; nghiên cứu của Quach (2010) về việc áp dụng chiến lược đọc hiểu SNT ở một trung tâm tiếng Anh... Gần đây nhất, Nguyen và Do (2019) cũng đã thực hiện một nghiên cứu về việc sử dụng các chiến lược đọc hiểu của SV không chuyên ở Trường Đại học Kiên Giang. Các nghiên cứu trên đây cho thấy tầm quan trọng của việc sử dụng các chiến lược đọc hiểu trong việc hiểu văn bản và mối quan hệ giữa kết quả đọc hiểu với việc sử dụng các chiến lược SNT.

Trên thế giới, một trong những nghiên cứu sớm nhất về chiến lược đọc hiểu ở ngôn ngữ mẹ đẻ được thực hiện là nghiên cứu của Anderson (1999). Nghiên cứu này chỉ ra rằng, những SV sử dụng nhiều chiến lược đọc hiểu hơn thì hiểu văn bản tốt hơn. Sau đó, Phakiti (2003) đã tiến hành một cuộc điều tra về mối quan hệ của việc sử dụng các chiến lược nhận thức và SNT trong tiếng Anh với kết quả kiểm tra đọc ngoại ngữ. Kết quả cho thấy, việc sử dụng các chiến lược nhận thức và SNT đã có một tác động tích cực đến kết quả kiểm tra đọc của người học. Ngoài ra, nghiên cứu của Lawrence (2009) đã phát hiện ra rằng, việc sử dụng thường xuyên chiến lược siêu nhận thức trong việc đọc dẫn tới khả năng sử dụng tiếng Anh tăng lên. Do vậy, việc phát hiện và phát triển chiến lược đọc hiểu SNT cho người học là cần thiết.

Như vậy, qua các nghiên cứu đã có ở Việt Nam và trên thế giới, có thể khẳng định, việc áp dụng các chiến lược đọc hiểu mang lại kết quả tích cực trong việc nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh của người học ở nhiều môi trường học tập khác nhau, đặc biệt là chiến lược đọc hiểu SNT. Đặc biệt, trong phạm vi dạy và học tiếng Anh tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, chưa có nghiên cứu nào cung cấp các số liệu mang tính khoa học về mức độ sử dụng các chiến lược đọc hiểu đối với kỹ năng đọc của SV.

Trên cơ sở thực tiễn nói trên, bài báo làm rõ mức độ sử dụng các chiến lược đọc hiểu SNT của SV năm thứ nhất lớp Tiên tiến - chất lượng cao tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, từ đó đưa ra đề xuất cho SV và giảng viên (GgV) về việc vận dụng và dạy các chiến lược đọc hiểu SNT nhằm nâng cao kỹ năng đọc hiểu.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận

#### 2.1.1. Khái niệm “đọc”

Các học giả khác nhau hiểu thuật ngữ “đọc” theo những cách khác nhau. Theo Harmer (1989), “*Đọc là một hoạt động được chi phối bởi con mắt và bộ não. Đôi mắt nhận các thông điệp và bộ não sau đó đã giải mã ra ý nghĩa của những thông điệp này*” (tr 89). Định nghĩa được đưa ra bởi Anderson (1999) cũng có một số điểm chung, trong đó nói rằng, “*đọc là một quá trình chủ động, thành thạo liên quan đến người đọc và tài liệu đọc trong việc xây dựng ý nghĩa*” (tr 112). Ngày nay, việc hiểu khái niệm “đọc” được mở rộng hơn, bao gồm cả các kỹ năng tư duy và thực quan cần thiết để lĩnh hội thông tin từ các đoạn phim kỹ thuật số, công cụ trợ giúp dữ liệu cầm tay, máy tính hay các môi trường học tập công nghệ khác (Tracey & Morrow, 2006).

Tóm lại, khái niệm “đọc” hiện nay đang được hiểu rộng hơn rất nhiều và bao gồm việc học tập của một tập hợp các kỹ năng và kiến thức giúp các cá nhân hiểu được thông tin.

#### 2.1.2. Các chiến lược đọc

Theo như định nghĩa của O'Malley và Chamot (1990), các chiến lược đọc có thể được hiểu là những suy nghĩ hoặc hành vi đặc biệt mà các cá nhân sử dụng để giúp họ hiểu, học và lưu giữ thông tin mới từ văn bản đọc. Những chiến lược này vì thế mà vừa quan sát được vừa không quan sát được và khác nhau ở mỗi người. Với quan điểm này, các chiến lược đọc có thể được phân loại thành ba nhóm chính bao gồm các chiến lược SNT, các chiến lược nhận thức và các chiến lược tình cảm/ xã hội như trong bảng 1 dưới đây.

*Bảng 1. Khung chiến lược đọc hiểu được chỉnh sửa từ O'Malley và Chamot (1990)*

Nhóm chiến lược	Chiến lược	Định nghĩa
Siêu nhận thức	Tổ chức trước	Xem trước các ý chính và các khái niệm của văn bản, thông thường bằng cách đọc lướt văn bản để nắm được nguyên tắc tổ chức.
	Chú ý có định hướng	Xác định trước xem nên chú ý chung vào một nhiệm vụ và bỏ qua các yếu tố không liên quan.
	Chú ý có chọn lọc	Xác định trước xem nên chú ý các khía cạnh chi tiết nào, thường bằng cách đọc lướt để tìm các từ chìa khoá, các khái niệm hay các dấu hiệu ngôn ngữ.
	Tự giám sát	Kiểm tra sự hiểu trong quá trình đang đọc.
	Tự đánh giá	Kiểm tra kết quả sau khi hoàn thành.
Nhận thức	Sử dụng nguồn tham khảo	Dùng các nguồn tham khảo về ngôn ngữ chẳng hạn như từ điển, bách khoa toàn thư hoặc sách giáo khoa.
	Phân nhóm đơn vị ngôn ngữ	Phân loại từ, thuật ngữ hay khái niệm dựa trên đặc điểm thuộc tính hoặc nghĩa của chúng.
	Suy luận	Vận dụng các quy tắc để hiểu văn bản hoặc xây dựng quy tắc dựa trên sự phân tích ngôn ngữ.
	Tương tượng	Sử dụng các công cụ trực quan để hiểu hoặc ghi nhớ thông tin mới.
	Xây dựng mối liên hệ thông tin	Liên hệ thông tin mới với kiến thức trước đây, liên hệ các phần khác nhau của thông tin mới với nhau.
	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã biết	Sử dụng kiến thức ngôn ngữ hoặc các kỹ năng đã có trước đây để trợ giúp việc hiểu văn bản.
	Suy đoán	Sử dụng thông tin sẵn có để đoán nghĩa của các từ/ cụm từ mới, dự đoán kết quả hoặc điền thông tin còn thiếu.
	Ghi chép	Viết lại các từ khoá hoặc các khái niệm dưới dạng ngôn ngữ nói viết tắt, đồ họa hoặc dạng số trong khi đọc.
	Tóm tắt	Thực hiện tóm tắt thông tin mới dưới dạng viết, nói hoặc tóm tắt thầm bằng các kỹ năng ngôn ngữ.
Dịch	Dùng ngôn ngữ mẹ đẻ làm cơ sở để hiểu ngoại ngữ.	

Do đó, các chiến lược SNT giúp người đọc nhận thức sáng suốt những gì họ học, cách họ học và cách họ có thể dùng kiến thức mới vào những tình huống khác nhau. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khả thi cao, nghiên cứu này sẽ chỉ tập trung vào tìm hiểu mức độ sử dụng các chiến lược đọc hiểu SNT của SV năm thứ nhất hệ Tiên tiến - chất lượng cao tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

### 2.1.3. Định nghĩa về “chiến lược siêu nhận thức”

“Siêu nhận thức” (metacognition) là thuật ngữ lần đầu tiên được Flavell (1979) sử dụng để nói đến khái niệm “suy nghĩ về những suy nghĩ, nhận thức về nhận thức”. Nói một cách dễ hiểu hơn, đó là tư duy của từng cá nhân về suy nghĩ của họ. Sau đó, Phakiti (2003) đã nghiên cứu sâu ở hai phương diện của SNT: chiến lược lên kế hoạch SNT và chiến lược giám sát SNT. Mục đích của bài viết chỉ hướng đến việc xem xét ở hai chiến lược SNT lên kế hoạch và giám sát, nên tác giả dùng bài nghiên cứu của Phakiti (2003) làm nền tảng cho thiết kế bảng hỏi.

### 2.1.4. Mô hình ứng dụng chiến lược đọc siêu nhận thức CALLA của O'Malley và Chamot

Mô hình CALLA của O'Malley và Chamot (1990, 1994) được thiết kế để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ học thuật của SV với trình độ tiếng Anh hạn chế. Mô hình này tích hợp việc phát triển ngôn ngữ học thuật, hướng dẫn về nội dung và hướng dẫn rõ ràng về các chiến lược học. Mô hình bao gồm sáu bước, cụ thể là:

(1) *Chuẩn bị*. GgV xác định các chiến lược học tập hiện tại của SV cho các nhiệm vụ quen thuộc, như nhớ lại kiến thức của họ, xem trước các từ vựng và các khái niệm chìa khoá được giới thiệu bài học;

(2) *Trình bày*. GgV gọi tên, giải thích và làm mẫu về chiến lược mới; yêu cầu SV trả lời xem họ đã sử dụng chiến lược đó trước đây hay chưa và đã sử dụng như thế nào;

(3) *Thực hành*. SV thực hành chiến lược mới;

(4) *Tự đánh giá*. SV đánh giá việc sử dụng chiến lược của riêng mình ngay sau khi thực hành, xác định hiệu quả việc học của mình bằng cách tổng kết hoặc đưa ra một bài nói về bản thân;

(5) *Mở rộng*. SV chuyển giao việc sử dụng các chiến lược sang các nhiệm vụ mới, kết hợp các chiến lược thành các nhóm và tích hợp chúng vào các khung kiến thức hiện có của họ.

(6) *GgV đánh giá* việc sử dụng các chiến lược đọc của người học và tác động của việc sử dụng đó lên kết quả học.

Tóm lại, mô hình trên nói về tầm quan trọng của việc phát triển nhận thức của người học về các giá trị của chiến lược học nói chung và chiến lược đọc nói riêng.

### 2.1.5. Các nghiên cứu thực nghiệm chứng minh mối quan hệ tích cực giữa việc đọc và chiến lược siêu nhận thức

Ở Trường Đại học Cần Thơ, nghiên cứu của Trinh (2011) và Quach (2010) trên SV Anh văn không chuyên và học viên tại trung tâm Anh ngữ đã cho thấy được mối quan hệ gắn kết giữa quá trình đọc hiểu và chiến lược SNT; tuy nhiên, mức độ chỉ ở trung bình. Ở phạm vi thế giới, nghiên cứu của Lawrence (2009) đã phát hiện mức độ sử dụng thường xuyên chiến lược SNT trong việc đọc dẫn tới khả năng sử dụng tiếng Anh tăng lên. Nghiên cứu của Poole (2005) chứng minh nhân tố giới tính không ảnh hưởng tới việc sử dụng chiến lược SNT nên tác giả bài báo này bỏ qua yếu tố giới tính.

Tóm lại, người học ngoại ngữ đã gặp phải những khó khăn trong quá trình tiếp cận với các bài đọc hiểu vì thiếu kỹ năng ngôn ngữ cần thiết, và không có những chiến lược đọc hiệu quả (Zare-ee, 2007). Do vậy, việc phát hiện và phát triển chiến lược đọc hiểu SNT cho người học là cần thiết.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp điều tra*: Nghiên cứu sử dụng một phiếu khảo sát nhằm đưa ra các phát biểu mô tả việc thực hiện các chiến lược đọc hiểu SNT được trình bày trong bảng và các chiến lược đọc hiểu phát triển bởi O'Malley và Chamot (1990). Để hỏi SV về tần suất sử dụng các chiến lược đọc hiểu, một thang Likert được đưa ra với 5 mức độ (1- không bao giờ, 2- ít khi, 3- thỉnh thoảng, 4- thường xuyên và 5- luôn luôn) để các SV lựa chọn. Phiếu điều tra sẽ được phát cho toàn bộ SV hệ Tiên tiến - chất lượng cao vào tuần giữa của học kỳ 2, năm học 2016-2017.

- *Phương pháp nghiên cứu lý thuyết*: Sử dụng phương pháp này trong nghiên cứu tầm quan trọng của chiến lược đọc hiểu, các phương pháp dạy và học chiến lược đọc hiểu, các nghiên cứu về chiến lược đọc hiểu.

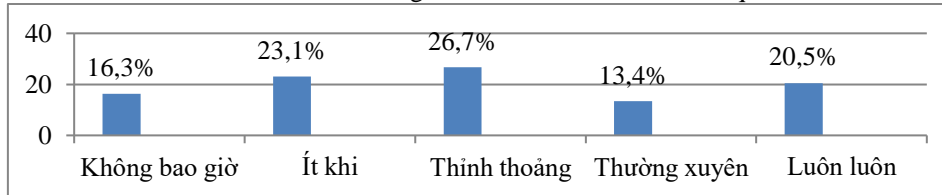
## 2.3. Đối tượng nghiên cứu

Toàn bộ 170 SV năm thứ nhất K61 của 4 lớp hệ Tiên tiến - chất lượng cao A1, A2, A3 và A4 của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã tham gia vào nghiên cứu này. Khi tham gia chương trình Tiên tiến - chất lượng, SV đã phải vượt qua kì thi đầu vào chương trình Tiên tiến - Chất lượng cao theo dạng bài thi đánh giá năng lực theo Khung tham chiếu châu Âu. Điểm xét vào lớp lấy từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

## 2.4. Kết quả và thảo luận

### 2.4.1. Chiến lược đọc “tổ chức trước”

Việc đọc tiêu đề, các hình ảnh minh họa và đọc lướt qua trước khi tập trung vào nội dung chi tiết của bài đọc ở đối tượng SV các lớp tiên tiến có mức độ khác nhau. Giữa các mức độ sử dụng chênh nhau không quá nhiều. Đa số SV “thỉnh thoảng” đọc lướt qua văn bản để hiểu ý chính thức khi tập trung vào các ý chi tiết và xem trước các tiêu đề để nắm được ý chính của văn bản trước với 26,6%. Sau đó đến mức độ “ít khi” chiếm đến 23,1%. Con số 20,8% “luôn luôn” làm việc này cho thấy rằng còn khá ít SV chú trọng đến việc đọc trước văn bản trước khi tập trung vào ý chính của văn bản. Có 16,3% SV bỏ qua việc đọc qua văn bản trước. Cụ thể, mức độ sử dụng chiến lược tổ chức trước của SV năm thứ nhất hệ Tiên tiến - chất lượng cao nhận thức được thể hiện qua biểu đồ 1 dưới đây:

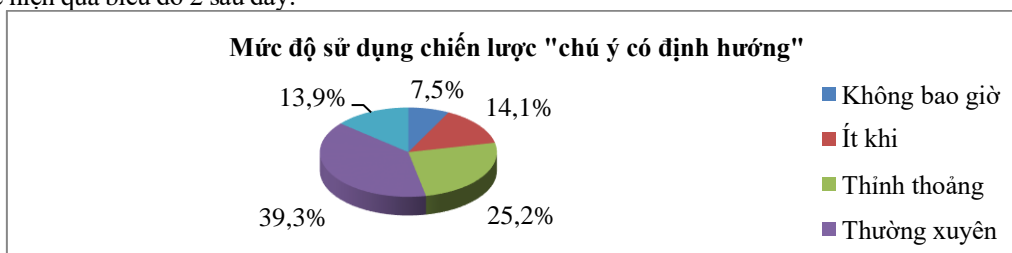


Biểu đồ 1. Mức độ sử dụng chiến lược “tổ chức trước”

Nhìn chung, việc đọc qua văn bản trước khi tập trung vào nội dung chi tiết là việc làm khá quan trọng. Nó giúp SV hiểu khái quát hơn về bài đọc và không để sót thông tin của bài khi đã tập trung vào các thông tin chi tiết. Tuy nhiên, khá nhiều SV chưa ý thức được điều này và phần lớn chỉ ít khi hoặc thỉnh thoảng thực hiện. Do đó, cần có những phương pháp phù hợp để giúp SV hiểu và thực hiện chiến lược tổ chức trước một cách hiệu quả nhằm nâng cao kỹ năng đọc hiểu.

### 2.4.2. Chiến lược đọc “chú ý có định hướng”

Sau khi phát phiếu điều tra và phân tích dữ liệu thì mức độ sử dụng chiến lược đọc chú ý có định hướng của SV được thể hiện qua biểu đồ 2 sau đây:



Biểu đồ 2. Mức độ sử dụng chiến lược “chú ý có định hướng”

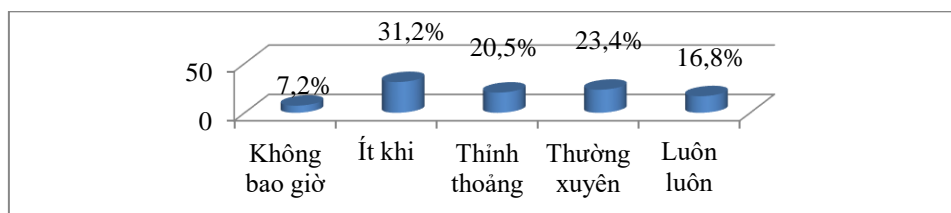
Việc kết hợp giữa đọc các câu hỏi đọc hiểu để xác định thông tin quan trọng cần lưu ý và bỏ qua các từ không cần thiết để hiểu văn bản trong khi đọc ở các em SV cũng tập trung ở các mức độ khác nhau. Có đến 39,3% lượng SV thường xuyên làm việc này khi đọc. Nhóm mức độ luôn luôn chiếm gần 14%. Tuy chỉ thỉnh thoảng nhưng lại chiếm với tỉ lệ khá lớn 25,2%, điều này cho thấy, SV có hiểu được lợi ích của việc làm trên nhưng vì một số lí do nào đấy nên tần suất sử dụng chưa nhiều. Vẫn có một bộ phận nhỏ SV không bao giờ đọc các câu hỏi của bài tập và bỏ qua các từ không cần thiết để tập trung hiểu văn bản là 7,5%.

Khi đọc văn bản có rất nhiều cách để người học có thể hiểu được văn bản một cách rõ ràng, trả lời các câu hỏi nhanh và chuẩn xác nhất. Do đó “chú ý có định hướng” là chiến lược đọc hiệu quả, dễ thực hiện và cần được SV sử dụng nhiều, hiệu quả hơn.

### 2.4.3. Chiến lược đọc “chú ý có chọn lọc”

Biểu đồ 3 dưới đây đã phân tích mức độ sử dụng chiến lược “chú ý có chọn lọc” của SV năm thứ nhất hệ Tiên tiến - chất lượng cao thông qua khảo sát một số hoạt động như: “Dò tìm các từ chìa khóa hoặc khái niệm liên quan trực tiếp đến các câu hỏi để trả lời chúng” và “Chọn các chiến lược đọc hiểu tùy vào mục đích đọc”.

Biểu đồ 3 cho thấy, tỉ lệ SV vận dụng chiến lược này vào đọc hiểu không cao lắm và rải ở tất cả các mức độ. Số SV ít khi thực hiện chiến lược này chiếm tỉ lệ cao nhất là 31,2%. Số SV thường xuyên thực hiện chiến lược này cũng chỉ chiếm 23,4%. Tỉ lệ SV thỉnh thoảng mới áp dụng chiến lược này cũng chỉ ở mức 20,5%, còn số SV luôn luôn sử dụng chiến lược này vào đọc hiểu ở mức khá thấp (chỉ 16,8%). Có một số lượng nhỏ SV không bao giờ áp dụng chiến lược này và chiếm 7,2% - chiếm tỉ lệ nhỏ nhất trong tổng số SV đã khảo sát khi sử dụng chiến lược này.



Biểu đồ 3. Mức độ sử dụng chiến lược “chú ý có chọn lọc”

Tóm lại, biểu đồ trên đã cho chúng ta thấy, chiến lược “chú ý có chọn lọc” không được SV áp dụng nhiều vào hoạt động đọc hiểu. Phần lớn SV ít khi chú ý tới việc tìm các từ khóa hoặc khái niệm liên quan đến câu hỏi để trả lời, thậm chí các bạn cũng ít quan tâm tới việc tìm các chiến lược đọc hiểu dựa theo mục đích đọc của mình.

#### 2.4.4. Chiến lược đọc “tự giám sát”

Việc sử dụng chiến lược “tự giám sát” trong quá trình đọc văn bản của SV K61 hệ Tiên tiến - chất lượng cao được minh họa bằng bảng 2 dưới đây:

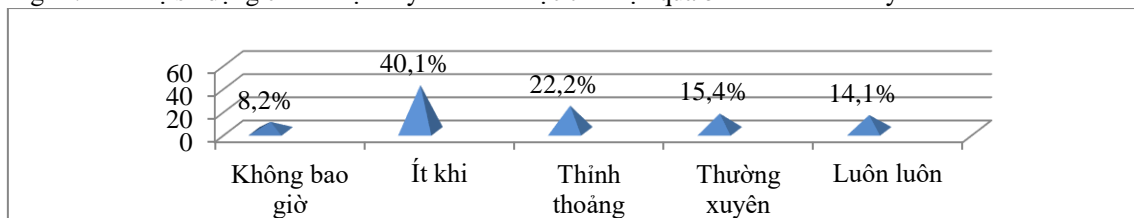
Bảng 2. Mức độ sử dụng chiến lược “tự giám sát”

Tần suất	Không bao giờ	Ít khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Luôn luôn
Tỉ lệ	24,4%	32,3%	16,7%	19,1%	7,5%

Hoạt động thỉnh thoảng dùng việc đọc lại và suy nghĩ xem có hiểu điều vừa đọc hay không là một trong những hoạt động của chiến lược “tự giám sát”. Bảng 2 cho thấy, được việc sử dụng chiến lược đọc hiểu của SV qua việc “tự giám sát” là hầu như chưa được thực hiện. Nó được thể hiện rõ ràng theo các mức độ cụ thể như mức độ “không bao giờ” chiếm tỉ lệ khá cao là 24,4%. Đặc biệt, tần suất “ít khi” sử dụng chiến lược tự giám sát chiếm tỉ lệ cao nhất là 32,3%. Ở mức độ “thỉnh thoảng” và “thường xuyên” cũng chỉ chiếm chưa tới 20%. Mức độ “luôn luôn” vận dụng chiến lược tự giám sát có tỉ lệ thấp nhất là 7,5%. Qua đây ta thấy, mức độ sử dụng chiến lược đọc “tự giám sát” còn quá thấp, nó chưa được thực hiện một cách cần thiết và hữu ích.

#### 2.4.5. Chiến lược đọc “tự đánh giá”

Hành động kiểm tra lại các câu trả lời cho các câu hỏi xem đúng hay sai sau khi đọc xong thuộc chiến lược “tự đánh giá”. Mức độ sử dụng chiến lược này của SV được thể hiện qua biểu đồ 4 dưới đây:



Biểu đồ 4. Mức độ sử dụng chiến lược “tự đánh giá”

Quan sát trên biểu đồ 4 ta thấy, việc SV sử dụng chiến lược “tự đánh giá” trong quá trình đọc hiểu văn bản được thể hiện ở các mức độ khác nhau và có tỉ lệ chênh lệch cũng khá lớn. Cụ thể như mức độ “ít khi” chiếm tỉ lệ cao nhất là 40,1%. Mức độ “thường xuyên” và “luôn luôn” vẫn còn chiếm tỉ lệ thấp từ 14,1% đến 15,4%. Đặc biệt, ở mức độ “không bao giờ”, việc sử dụng chiến lược “tự đánh giá” chiếm tới 8,2%.

Như vậy, chiến lược “tự đánh giá” không được SV các lớp tiên tiến chất lượng cao áp dụng nhiều vào hoạt động đọc hiểu.

### 2.5. Một số đề xuất

Qua các kết quả nghiên cứu thu được, bài báo góp phần đề xuất một số biện pháp nhằm hỗ trợ SV tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam học kĩ năng đọc hiệu quả hơn.

- Về phía Học viện và Khoa Sư phạm và Ngoại ngữ: cần hỗ trợ, tạo điều kiện cho công tác nghiên cứu khoa học, giúp các GgV tiếng Anh có kinh phí và quy trình phù hợp, thuận lợi khi tiến hành các nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy phục vụ cho công tác giảng dạy - học tập tiếng Anh của GgV và SV trong Học viện.

- Về phía GgV: Trong giảng dạy, GgV tiếng Anh nên gợi ý cho SV sử dụng các chiến lược, đặc biệt là chiến lược đọc hiểu SNT trong quá trình học tập của mình để nâng cao kĩ năng đọc hiểu. Để đảm bảo SV có thể áp dụng thành thạo và có hiệu quả các chiến lược đọc hiểu SNT, GgV cần giới thiệu, dạy cho SV các chiến lược đó cụ thể theo mô hình CALLA của O'Malley và Chamot. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy lợi ích thực tiễn của việc



áp dụng các chiến lược đọc, vì vậy GgV có thể hướng dẫn, đào tạo cho SV tự áp dụng các chiến lược đọc SNT trong và ngay cả khi kết thúc các học phần tiếng Anh, từ đó SV có thể tự ôn luyện và trau dồi khả năng đọc hiểu của mình, phục vụ các học phần tiếng Anh tiếp sau hoặc sử dụng trong giao tiếp.

- Về phía SV: Tích cực áp dụng các chiến lược đọc hiểu SNT trong quá trình học tiếng Anh trên lớp theo hướng dẫn của GgV, và ngay cả khi không có sự hướng dẫn của GgV. Đồng thời, có thể tìm hiểu và áp dụng nhiều chiến lược đọc khác nữa nhằm hoàn thiện kỹ năng đọc cho bản thân.

### 3. Kết luận

Qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi rút ra những kết luận sau: (1) Với kết quả là tần suất sử dụng các chiến lược đọc hiểu SNT (chiến lược tổ chức trước, chiến lược chú ý có định hướng, chiến lược chú ý có chọn lọc, chiến lược tự giám sát, và chiến lược tự đánh giá) còn thấp. Một số SV thỉnh thoảng áp dụng một số các chiến lược trên vào quá trình làm bài đọc hiểu, nhưng số còn lại chưa xác định được tầm quan trọng của việc vận dụng các chiến lược SNT vào việc rèn luyện và nâng cao kỹ năng đọc; (2) Việc dạy các chiến lược đọc nói chung và chiến lược đọc hiểu SNT nói riêng được kết luận là giúp SV nâng cao nhận thức của họ về việc áp dụng các chiến lược đọc vào việc tìm hiểu và trả lời câu hỏi về văn bản. Theo Lawrence (2009), nếu người học ngôn ngữ sử dụng ở mức độ thường xuyên chiến lược SNT trong việc đọc hiểu thì họ sẽ đạt những kết quả cao trong việc học tiếng Anh. Kết quả này cũng góp phần củng cố cho bức tranh toàn diện ở châu Á về việc sử dụng chiến lược SNT.

Như vậy, rõ ràng là việc vận dụng các chiến lược đọc đã giúp người đọc vượt qua những khó khăn khi tìm hiểu văn bản, và do đó nâng cao khả năng hiểu văn bản ngoại ngữ của họ. Thông qua việc nắm vững và vận dụng các chiến lược đọc, ngoài việc phát triển khả năng đọc cho người học, các GgV còn giúp họ trở thành những người học tự chủ. Khi người học đã hiểu những gì họ đọc, họ sẽ giải thích, tích hợp, phê phán, suy luận, phân tích, kết nối và đánh giá ý tưởng trong các văn bản. Từ đó, kỹ năng đọc hiểu của họ sẽ ngày càng phát triển. Để việc phát triển kỹ năng đọc của người học được hiệu quả nhất, người học cần sử dụng phong phú các chiến lược đọc, trong đó đặc biệt là 5 chiến lược đọc hiểu SNT. Kết quả của các công trình nghiên cứu đã khẳng định chiến lược đọc và việc áp dụng chiến lược đọc có tác động tích cực đối với việc phát triển kỹ năng đọc.

### Tài liệu tham khảo

- Anderson, N. J. (1999). *Exploring Second Language Reading: Issues and Strategies*. Heinle & Heinle, Boston.
- Flavell, J. H. (1979). Metacognition and cognitive monitoring. *American psychologist*, 34(10), 906-911.
- Harmer, J. (1989). *The practical language teaching*. Pergamon Press, Essex.
- Hoang, T. H. H. (2019). *An investigation on vocabulary learning strategies of non-major first year students of English at University of Education - Thai Nguyen University*. M.A. thesis field of English Linguistics, University of Education - Thai Nguyen University.
- Lawrence, W. (2009). Chinese senior high school EFL students' metacognitive awareness and reading-strategy use. *Reading in a Foreign Language*, 21(1), 37-59.
- Nguyen, T. N. M. & Do, T. N. (2019). An investigation into reading strategies used by Vietnamese non-English major students at Kien Giang University. *Ho Chi Minh City Open University Journal of Science*, 9(2), 100-107.
- O'Malley, J. M. & Chamot, A. U. (1990). *Learning Strategies in Second Language Acquisition*. Cambridge University Press, Cambridge.
- O'Malley, J. M. & Chamot, A. U. (1994). *The CALLA handbook: implementing the cognitive academic language learning approach*. N.J: Addison-Wesley, Reading MA. Harlow, England: Longman.
- Poole, A. (2005). Gender differences in reading strategy use among ESL college students. *Journal of College Reading and Learning*, 36(1), 7-20.
- Phakiti, A. (2003). A closer look at the relationship of cognitive and metacognitive strategy use to EFL reading achievement test performance. *Language Testing*, 20(1), 26-56.
- Quach, N. L. (2010). *Think-aloud protocol: An investigation into employing metacognitive strategies in reading comprehension at a foreign language center in the Mekong Delta*. B.A. thesis field Of English Linguistics, Can Tho University.
- Tracey, D. H., & Morrow, L. M. (2006). *Lenses on reading: An introduction to theories and models*. New York, NY: Guilford Press.
- Trinh, H. T. (2011). *The use of cognitive - metacognitive strategies in reading process among Can Tho University English majored freshmen and juniors*. B.A. thesis field Of English Linguistics, Can Tho University.
- Zare-ee, A. (2007). The relationship between cognitive and meta-cognitive strategy use and EFL reading achievement. *Journal of Applied Psychology*, 2(5), 105-119.